

Bản án số: 45/2017/HNGĐ -ST

Ngày 19/12/2017

"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Lương Hồng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Bình - Cán bộ nghỉ hưu

Ông Lê Văn Đình - Bí thư đoàn thanh niên huyện Ân Thi

-Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ái - Thư ký TAND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

- Đại diện VKSND huyện Ân Thi tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tú - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 12 năm 2017 Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 211/2017/TLST - HNGĐ ngày 09/10/2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 23/11/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vy Thị Khánh L, SN 1989 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đình C, SN 1990 (vắng mặt)

Người có QLVN liên quan: Cháu Nguyễn Triệu Thiên A, SN 05/6/2017

Người đại diện hợp pháp của cháu Anh: Chị L – mẹ đẻ của cháu

Đều trú tại: C T, X T, Ấ T, H Y

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 23/8/2017 và lời khai của chị Ly trình bày chị và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X T vào tháng 10/2016. Sau khi cưới chị về ngay gia đình anh C chung sống. Được vài ngày thì chị và anh C thuê nhà ở Hà Nội làm ăn, được khoảng 2 tháng thì anh C và chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chưa hiểu hết nhau nên dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Hơn nữa anh C không chịu làm ăn, chơi bời, chị đã khuyên anh C nhưng anh C không nghe mà còn nói không ở thì đi. Vì vậy chị về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 12/2016 cho đến nay, vợ chồng chị sống ly thân nhau từ thời gian đó, không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị làm đơn xin ly hôn anh C.

Về con chung: Có 01 con chung. Hiện nay con chung đang ở với chị
Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có nên không đề nghị Tòa giải quyết

Tại biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ của anh C) trình bày: Bà xây dựng vợ chồng cho chị L, anh C vào tháng 10/2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X T. Sau khi thành vợ chồng chị L về ngay gia đình bà chung sống. Đến tháng 12/2016 thì chị L về nhà bố mẹ đẻ ở. Nguyên nhân dẫn đến anh C, chị L không ở với nhau nữa là do anh, chị cãi nhau, bà và con gái bà có điện thoại cho chị L nhưng chị L nói không về và nói chị và anh C không ở được với nhau, các giấy tờ do Tòa án giao cho bà thì bà đã giao tận tay anh C, anh C nói không về. Nay chị L xin l hôn anh C, việc vợ chồng anh C, chị L có tiếp tục chung sống với nhau hay không là quyền của anh C, chị L.

Về con chung: Anh C, chị L có 01 con chung là Nguyễn Triệu Thiên A, SN 05/6/2017. Hiện nay các cháu đang ở với chị L.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh C, chị L không có

Đối với anh C: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhđng anh C đều vắng mặt không có lý do nên không xác định đđợc yêu cầu, đề nghị của anh C trong hồ sơ vụ án.

Tại biên bản xác minh với UBND xã X T: Chị L, anh C là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã X T vào ngày 26/10/2016 tại số 60. Quá trình chung sống chị L, anh C chung sống có mâu thuẫn hay không chính quyền địa phương không nắm được. Về con chung: UBND xã không nắm được vì anh C, chị L không thấy đăng ký khai sinh cho con chung tại UBND xã X T.

Tại phiên tòa ngày 05/12/2017: Chị Ly có mặt, anh C vắng mặt lần thứ nhất. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của BLTTDS, HĐXX quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 19/12/2017: Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì đường xá xa xôi, con còn nhỏ, anh C vắng mặt lần thứ 2. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 của BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đã tuân theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự . Các đương sự đã chấp hành thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do vì vậy HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX xử cho chị L được ly hôn anh C, Về con chung: Giao cháu Nguyễn Triệu Thiên A, SN 05/6/2017 cho chị L nuôi dưỡng đến khi thành niên. Về tài sản chung: không đề nghị giải quyết; về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn anh C vắng mặt lần thứ 2 không có lý do căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L, anh C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X T vào ngày 26/10/2016. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị L, anh C là hợp pháp. Nay chị L có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Anh C đang ở tại thôn C T, X T nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Chị L xác định vợ chồng chỉ chung sống thời gian ngắn là hòa thuận, hạnh phúc. Đến Tháng 12/2016 thì vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh C chơi bời, không chịu làm ăn. Chị L đã khuyên ngăn anh C nhưng anh C không nghe, nhiều lần như vậy nên vợ chồng xảy ra xô sát, đánh cãi, chửi nhau. Do mâu thuẫn chị về nhà bố mẹ đẻ ở Nghệ An sinh sống và vợ chồng sống ly thân nhau từ thời gian đó, không ai còn quan tâm đến ai. Mâu thuẫn giữa anh C, chị L đã được gia đình hai bên nói chuyện, khuyên bảo nhưng chị L vẫn kiên quyết không về tiếp tục chung sống với anh C. Về phía anh C, anh đã được bà T thông báo về việc chị L xin ly hôn và các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh C nhưng anh C đều vắng mặt, qua bà T được biết anh C nói việc ly hôn là tùy chị L, anh không về. Điều đó chứng tỏ anh C không còn muốn xây dựng vợ chồng với chị L nữa, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 hôn nhân giữa chị L, anh C đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh C, chị Lg không còn thương yêu, quý trọng nhau nữa vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp với pháp luật và thực tế vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh C, chị L có 01 con chung là Nguyễn Triệu Thiên A, SN 05/6/2016. Hiện nay cháu A đang ở với chị L. Nay ly hôn chị L có nguyện vọng được nuôi cháu A và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị. Do anh C vắng mặt nên không xem xét được yêu cầu của anh C trong hồ sơ vụ án. Xét nguyện vọng của chị L là phù hợp với thực tế và pháp luật là cháu A chưa đủ 36 tháng tuổi, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có căn cứ chấp nhận nguyện vọng của chị L là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Anh đến khi thành niên. Về cấp dưỡng chị L không có yêu cầu anh C cấp dưỡng là tự nguyện. Mặc dù hiện nay chị vẫn đang trong giai đoạn nghỉ thai sản. Trước đó chị làm công nhân, thu nhập hàng tháng của chị khoảng 5.000.000 đ

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị L không đề nghị Tòa giải quyết nên HĐXX không xem xét tại vụ án này. Tuy nhiên sau này anh C có đề nghị Tòa sẽ xem xét ở 1 vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1, 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vy Thị Khánh L được ly hôn anh Nguyễn Đình C

2- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Triệu Thiên A, SN 05/6/2016 cho chị Vy Thị Khánh L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu A thành niên. Anh C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị L. Anh C có quyền đi lại thăm nom con chung, quyền thay đổi nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị L không đề nghị Tòa giải quyết. Tuy nhiên sau này anh C có đề nghị về tài sản thì Tòa án sẽ xem xét ở một vụ án dân sự khác.

4 - Về án phí : Chị L phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 008795 ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Chị L đã nộp đủ.

5- Quyền kháng cáo: Chị L, anh C có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ân Thi;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu HSVA.

Hoàng Lương Hồng

